

QUICK NOTE – EARNINGS CALL MWG (T8/2024)

CTCP Đầu tư Thế giới Di động (HOSE: MWG)

Tăng trưởng như kỳ vọng

Cập nhật KQKD sơ bộ tháng 7/2024:

Chuỗi Thế giới Di động & Điện máy Xanh: Doanh thu >7.000 tỷ đồng, giảm nhẹ so với tháng trước do nhu cầu cao điểm của máy lạnh và TV trong dịp hè & các sự kiện thể thao đã qua.

Chuỗi Bách hóa Xanh: Doanh thu/cửa hàng duy trì ở mức tích cực 2,1 tỷ đồng/tháng.

Cập nhật thông tin KQKD 1H/2024:

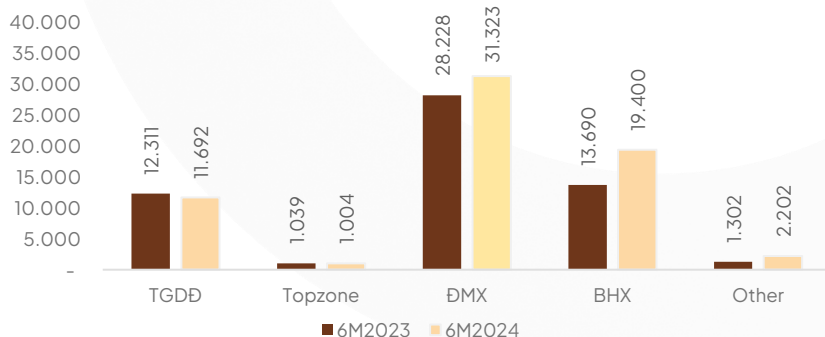
Tổng doanh thu đạt 65.621 tỷ đồng (+16% svck), lợi nhuận ròng đạt 2.075 tỷ đồng, trong đó:

Chuỗi Thế giới Di động & Điện máy Xanh: Tổng doanh thu đạt 44.200 tỷ đồng, tổng số cửa hàng TGDD & ĐMX là 1.046/2.093. Doanh thu cửa hàng cũ tăng 20% svck, biên LN gộp đạt 19,6%.

Chuỗi Bách hóa Xanh: Tổng doanh thu đạt 19.400 tỷ đồng, tổng số cửa hàng BHX đạt 1.701. Doanh thu cửa hàng cũ tăng 45% svck, (trong đó lượng giao dịch mua hàng tăng 38% svck, giá trị đơn hàng tăng 5% svck), biên LN gộp đạt 25%.

Doanh thu từng chuỗi cửa hàng 1H.2024 đạt kỳ vọng

(Đvt: tỷ VND)



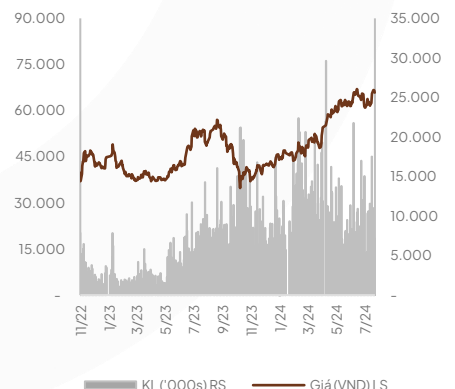
Nhìn chung, KQKD này phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi trong báo cáo khuyến nghị MWG lần đầu ngày 06/08/2024 [tại đây](#), vì vậy chúng tôi tiếp tục khuyến nghị Mua đối với MWG với mức giá mục tiêu 80.600 đồng/cp.

Ngành	Bán lẻ
Khuyến nghị	Mua
Giá mục tiêu 1Y	80.600
Giá cp 16/08/2024	69.000
Upside (%)	16,8

Thông tin giao dịch

Mã giao dịch	HOSE: MWG
KLGD TB 52 tuần	9.458.877
Khối lượng lưu hành	1.461.915.388
Biên độ 52 tuần	33.340 đ – 69.000 đ
Vốn hóa DN	100.872 tỷ VND
Beta	1,63
Sở hữu NĐTNN	46,70%

Diễn biến giá cổ phiếu MWG





CTCP Đầu tư Thế giới Di động (HOSE: MWG)

Trao đổi với Ban lãnh đạo:

Câu hỏi 1: Thị phần mảng ICT-CE hiện tại là bao nhiêu?

Thị phần điện thoại khoảng 50-60%, thị phần mảng điện máy khoảng 50%.

Câu hỏi 2: Doanh thu trả góp tại Chuỗi Thế giới Di động & Điện máy Xanh hiện đang như thế nào?

Tỷ trọng doanh thu trả góp khoảng 30%, phục hồi từ mức 25-27% của năm ngoái.

Câu hỏi 3: Khi nào công ty có thể quay lại mức lợi nhuận ròng như năm 2021?

Với tốc độ tăng trưởng 20-30% khoảng 2 năm nữa là có thể vượt qua mức lợi nhuận ròng này (khoảng 4.900 tỷ đồng).

Chúng tôi đánh giá điều này là khả thi và thậm chí còn thận trọng, và thực tế chúng tôi đang dự phóng lợi nhuận ròng 2025F ở mức trên 6.000 tỷ.

Câu hỏi 4: Tốc độ tăng trưởng doanh thu/cửa hàng chuỗi Bách hóa Xanh liệu có mạnh như thời điểm 2023-2024 không? Kế hoạch mở mới chuỗi Bách hóa Xanh năm nay?

Mức doanh thu hiện tại (2-2,1 tỷ đồng/cửa hàng/tháng) là mức cao đối với diện tích cửa hàng như hiện tại, khó có thể tăng cao lên nữa. Do vậy, trong 6T24 BHX tập trung vào việc (1) cải thiện hiệu quả mặt hàng tươi sống, (2) tối ưu chi phí bán hàng tại cửa hàng.

Biên lợi nhuận ròng 3-5 năm nữa nỗ lực đưa về mức trung bình của ngành trong khu vực. Năm nay kế hoạch mở mới 50-100 cửa hàng BHX.

Câu hỏi 5: Kế hoạch cho An Khang cho năm 2024?

Cuối năm chuỗi An Khang sẽ còn khoảng 300 cửa hàng (giảm mạnh so với mức gần 400 cửa hàng ở thời điểm hiện tại), hiện doanh thu/cửa hàng khoảng 0,5 tỷ đồng/tháng. Mục tiêu cho đến năm 2025 là đạt điểm hòa vốn ở mức độ công ty.

QUICK NOTE – EARNINGS CALL MWG (T8/2024)

PHỤ LỤC – BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bảng Cân đối Kế toán (Đvt: tỷ VND)	2022	2023	2024E	2025E
Tài Sản Ngắn Hạn	44,578	51,947	60,085	67,226
Tiền và Tương đương tiền	5,061	5,366	4,525	6,632
Đầu tư ngắn hạn	10,069	18,937	26,440	28,440
Khoản phải thu ngắn hạn	3,001	5,159	5,449	5,844
Khoản Phải Thu Còn Lại	2,984	3,073	3,364	3,758
Cho vay ngắn hạn	17	2,086	2,086	2,086
Hàng tồn kho	25,696	21,824	22,894	25,441
Giá gốc	26,058	22,029	23,162	25,739
Dự Phòng	(362)	(204)	(268)	(298)
Tài sản ngắn hạn khác	750	661	778	869
Tài Sản Dài Hạn	11,256	8,161	5,686	3,842
Khoản phải thu dài hạn	503	458	458	458
Tài sản cố định	9,728	6,500	3,920	1,472
Giá gốc	20,932	20,230	20,355	20,641
Khấu hao lũy kế	(11,204)	(13,729)	(16,435)	(19,168)
Tài sản dở dang	124	4	4	4
Đầu tư dài hạn	231	747	487	1,145
Tài sản dài hạn khác	671	452	817	762
TỔNG TÀI SẢN	55,834	60,108	65,771	71,068
Nợ Ngắn Hạn	26,000	30,762	34,084	37,714
Phải trả người bán	8,746	7,927	9,927	11,031
Thuế & khoản phải nộp NN	764	418	645	720
Phải trả người lao động	475	438	506	565
Chi phí phải trả ngắn hạn	2,180	1,373	1,944	2,173
Vay ngắn hạn	10,688	19,129	18,553	20,420
Phải trả ngắn hạn khác	3,146	1,477	2,509	2,804
Nợ Dài Hạn	5,901	5,986	5,234	5,106
Vay dài hạn	5,901	5,985	5,233	5,105
Phải trả dài hạn khác	-	1	1	1
Vốn Chủ Sở Hữu	23,933	23,360	26,454	28,248
Vốn góp của chủ sở hữu	14,639	14,634	14,622	14,622
Thặng dư vốn cổ phần	558	558	558	558
LNST chưa phân phối	8,724	8,160	11,261	13,049
Lợi ích CD không kiểm soát	15	13	18	24
VCSH khác	(3)	(6)	(6)	(6)
TỔNG NGUỒN VỐN	55,834	60,108	65,771	71,068

Bảng Kết quả Kinh doanh (Đvt: tỷ VND)	2022	2023	2024E	2025F
Doanh thu thuần	133,405	118,280	139,139	155,477
Giá vốn hàng bán	(102,543)	(95,759)	(110,295)	(122,567)
Lợi nhuận gộp	30,862	22,521	28,844	32,910
Chi phí bán hàng & quản lý	(24,218)	(22,114)	(23,514)	(25,965)
Lợi nhuận hoạt động	6,644	407	5,329	6,945
Khấu hao	3,540	3,381	2,706	2,733
EBITDA	10,185	3,788	8,035	9,678
Thu nhập tài chính	1,313	2,167	2,367	2,776
Chi phí tài chính	(1,383)	(1,556)	(1,575)	(1,588)
Chi phí lãi vay	(1,362)	(1,448)	(1,467)	(1,479)
Lợi nhuận khác	(518)	(328)	(237)	(264)
Lợi nhuận trước thuế	6,056	690	5,856	7,924
Chi phí thuế	(1,955)	(522)	(1,288)	(1,743)
Lợi nhuận sau thuế	4,102	168	4,568	6,181
Cổ đông không kiểm soát	2	0	4	6
Công ty mẹ	4,100	168	4,564	6,175
EPS	2,802	115	3,121	4,223

Lưu chuyển Tiền tệ (Đvt: tỷ VND)	2022	2023	2024E	2025F
Dòng tiền CFO	7,976	3,436	7,328	4,867
Dòng tiền CFI	1,549	(10,831)	(5,367)	(113)
Dòng tiền CFF	(8,606)	7,700	(2,802)	(2,647)
Dòng tiền ròng trong kỳ	919	304	(841)	2,107
Ảnh hưởng tỷ giá	(0)	0	-	-
Tiền cuối kỳ	5,061	5,366	4,525	6,632

Profitability Ratios	2022	2023	2024E	2025F
Gross Profit Margin (%)	23.1%	19.0%	20.7%	21.2%
EBIT margin (%)	5.0%	0.3%	3.8%	4.5%
EBITDA margin (%)	7.6%	3.2%	5.8%	6.2%
Net margin (%)	3.1%	0.1%	3.3%	4.0%
ROA (%)	6.9%	0.3%	7.3%	9.0%
ROE (%)	18.5%	0.7%	18.3%	22.6%

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo, Phòng Phân tích chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Phân tích không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Các nhận định, khuyến nghị, so sánh trong bản báo cáo này được đưa ra dựa trên cơ sở phân tích chi tiết và cẩn trọng, theo đánh giá chủ quan của người lập là hợp lý tại thời điểm thực hiện báo cáo. Do đó các phân tích này có thể thay đổi trong tương lai theo tình hình biến động thực tế mà chúng tôi không có trách nhiệm tự động cập nhật liên tục, trừ trường hợp được yêu cầu chính thức từ Ban lãnh đạo Công ty hoặc ràng buộc trong các điều khoản điều kiện của hợp đồng kinh tế đã được công ty ký kết với các đối tác liên quan.

Báo cáo phân tích cùng các định giá nằm trong báo cáo phân tích (nếu có) nhằm mục đích tham khảo và không có giá trị pháp lý như một chứng thư thẩm định giá. Báo cáo phân tích và các tài liệu đi kèm được lập bởi Phòng Phân tích - CTCP Chứng Khoán LPBank, tất cả các quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến báo cáo này đều thuộc sở hữu của CTCP Chứng khoán LPBank. Công ty nghiêm cấm mọi việc sử dụng, in ấn, sao chép, tái xuất bản toàn bộ hoặc từng phần bản Báo cáo này vì bất cứ mục đích gì mà không có sự chấp thuận của Công ty

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank

Tòa nhà Thaisquare The Merit

43-45-47 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 730 98198

Phòng Phân tích

Email: research@lpbs.com.vn